TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 11** **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2025/HNGĐ - ST
Ngày 23 tháng 9 năm 2025
"V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11, TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Hoàng Thị Quỳnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Trung Thành
2. Bà Trần Thị Kim Khuyên

- Thư ký phiên toà: Bà Phan Minh Triều- Thư ký Toà án nhân dân khu vực 11.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 tham gia phiên toà: Ông Dương Mạnh Cường- Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 11, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 10/2025/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 7 năm 2025, về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2025/QĐXXST- HNGĐ ngày 22 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Thiệu Đ, sinh năm 1996; địa chỉ: Thôn C, xã T, tỉnh Phú Thọ, vắng mặt (có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1994; địa chỉ: Thôn C, xã T, tỉnh Phú Thọ, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn anh Nguyễn Thiệu Đ trình bày:

Anh kết hôn với chị Nguyễn Thị H ngày 10/7/2017, trước khi cưới có được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã X cũ nay là xã T, tỉnh Phú Thọ. Sau khi cưới chị H về chung sống cùng gia đình anh. Tình cảm vợ chồng ban đầu hòa thuận hạnh phúc, đến năm 2025 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do hai vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung trong cuộc sống hàng ngày, thường xuyên cãi vã. Hai vợ chồng đã nhiều lần ngồi lại để cùng nhau hàn gắn nhưng vẫn không

cải thiện được tình cảm vợ chồng. Chị H đã về nhà mẹ đẻ ở, do đó anh và chị H đã sống ly thân nhau từ giữa tháng 5/2025 đến nay không ai quan tâm đến ai nữa. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn đã ở mức trầm trọng nên anh làm đơn này xin ly hôn chị H.

Về con chung: Anh và chị H không có con chung.

Về tài sản, công nợ, đất canh tác, công sức: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Nguyễn Thị H đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án của Tòa án cùng bản sao đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ của nguyên đơn cung cấp, các văn bản tố tụng của Tòa án, nhưng chị H đều không đến Tòa làm việc. Vì vậy, Tòa án không thể tiến hành lấy lời khai và hòa giải theo quy định của pháp luật.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 28/7/2025, bà Nguyễn Thị B là mẹ đẻ của chị H trình bày: Anh Đ và chị H kết hôn với nhau năm 2017 và đăng ký kết hôn tại UBND xã X, nay là xã T, sau khi cưới chị H về chung sống cùng gia đình anh Đ. Đầu năm 2025 bà thấy chị H nói giữa chị H và anh Đ có mâu thuẫn, bất đồng, nguyên nhân cụ thể thì bà không nắm được; chị H đã về nhà bà B ở từ đầu năm 2025, anh Đ, chị H sống ly thân từ đó cho đến nay, bà B nghĩ một phần mâu thuẫn cũng do anh Đ, chị H không có con chung nên tình cảm có phần lạnh nhạt. Về tài sản, công nợ của anh Đ, chị H như thế nào bà không biết. Nay anh Đ có đơn xin ly hôn chị H, bà B đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 phát biểu quan điểm như sau:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tiến hành thụ lý, thu thập chứng cứ và xét xử vụ án theo đúng thẩm quyền, đúng trình tự thủ tục tố tụng mà pháp luật quy định; nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự; bị đơn không chấp hành đúng quyền, nghĩa vụ quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 31/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Thiệu Đ. Anh Đ được ly hôn chị Nguyễn Thị H; về nuôi con chung: Không xem xét. Về án phí: Anh Đ phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

- Quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn anh Đ khởi kiện yêu cầu được ly hôn chị H, do vậy đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân gia đình quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn có hộ khẩu thường trú tại: Thôn C, xã T, tỉnh Phú Thọ, nên Tòa án nhân dân khu vực 11 thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về sự vắng mặt của chị H: Quá trình chuẩn bị xét xử Tòa án triệu tập hợp lệ chị H nhiều lần nhưng đều vắng mặt nên vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hoà giải được theo Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Sau khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử, chị H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ 2 lần nhưng vẫn vắng mặt. Như vậy việc bị đơn vắng mặt thuộc trường hợp cố tình không hợp tác làm việc với Tòa án. Không trình bày quan điểm đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn mặc dù bị đơn đã nhận được các thủ tục tố tụng của Tòa án nên bị đơn tự chịu trách nhiệm. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định.

[2]. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- Về tình cảm: Anh Nguyễn Thiệu Đ và chị Nguyễn Thị H đăng ký kết hôn ngày 10/7/2017, tại Ủy ban nhân dân xã X nay là xã T, tỉnh Phú Thọ. Trước khi kết hôn có được tự do tìm hiểu vì vậy quan hệ hôn nhân giữa anh Đ và H là tự nguyện, hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Xem xét hôn nhân giữa anh Đ và chị H thấy rằng cuộc sống chung vợ chồng giữa anh Đ, chị H có rất nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân như anh Đ trình bày do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau, anh và chị H đã sống ly thân từ đầu năm 2025 đến nay. Tòa án tiến hành xác minh tại địa phương và gia đình chị H cho biết: Anh Đ và chị H có mâu thuẫn nhưng cụ thể như thế nào thì chính quyền địa phương và gia đình không nắm được. Việc anh Đ xin ly hôn chị H và các mối quan hệ khác trong vụ án, chính quyền địa phương và gia đình đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Phía chị H mặc dù đã biết anh Đ xin ly hôn nhưng không có động thái níu kéo quan hệ vợ chồng, không trình bày quan điểm về việc anh Đ xin ly hôn. Như vậy, có cơ sở xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa anh Đvà chị H đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc anh Đ xin ly hôn là có căn cứ, phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, nên được chấp nhận.

- Về con chung: Anh Đ và chị H không có con chung nên không xem xét giải quyết.

- Về tài sản, công nợ, công sức lao động, đất nông nghiệp: Anh Đ và chị H không đề nghị giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét. Sau khi ly hôn, nếu các đương sự có tài sản, công nợ, đất nông nghiệp và có đề nghị thì Tòa án giải quyết bằng vụ án khác theo qui định của pháp luật.

Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 phù hợp tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[3]. Về án phí: Anh Đ phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, 56, 57 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 31/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Thiệu Đ.

1. Về hôn nhân: Anh Nguyễn Thiệu Đ được ly hôn chị Nguyễn Thị H.

2. Về con chung: Anh Đ và chị H không có con chung nên không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản, công nợ, công sức lao động, đất nông nghiệp: Tòa án không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Anh Nguyễn Thiệu Đ tự nguyện nộp 300.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000244 ngày 14/7/2025, tại Thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ. Anh Đ đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- VKSND khu vực 11;
- THADS tỉnh Phú Thọ;
- Phòng THADS khu vực 11;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Đã ký

Hoàng Thị Quỳnh